

ÔN TẬP CÁC THÌ TRONG TIẾNG ANH

Bài tập 1: Nối dấu hiệu với thì A, B, C, D, E tương ứng

1. ____ always, usually, often, sometimes, every day
2. ____ now, at the moment, right now, at present
3. ____ yesterday, last night, last week, ago
4. ____ tomorrow, next week, soon, in the future
5. ____ since, for, already, just, ever, never

- A. Quá khứ đơn
- B. Hiện tại đơn
- C. Tương lai đơn
- D. Hiện tại tiếp diễn
- E. Hiện tại hoàn thành

Bài tập 2: Điền thì đúng của động từ dựa vào dấu hiệu nhận biết trong ngoặc

1. She ____ (read) a book now. (**now**)
2. They ____ (play) soccer every weekend. (**every weekend**)
3. We ____ (visit) our grandparents last summer. (**last summer**)
4. I ____ (buy) a new phone tomorrow. (**tomorrow**)
5. He ____ (live) in this house for 10 years. (**for 10 years**)

Bài tập 3: Chọn phương án đúng (A, B, C hoặc D) dựa vào dấu hiệu nhận biết.

1. **Look!** The baby _____.
A. cry B. cries C. is crying D. cried
2. I _____ my homework two hours **ago**.
A. do B. did C. have done D. will do
3. They _____ a new car **next year**.
A. buy B. bought C. will buy D. have bought
4. She _____ her keys **since** this morning.
A. lost B. has lost C. will lose D. loses
5. He **usually** _____ up early.
A. gets B. is getting C. got D. will get

Bài tập 4: Điền dấu hiệu nhận biết cho sẵn trong ngoặc với câu phù hợp

(Dấu hiệu: *yesterday, since, every day, tomorrow, now*)

1. She is cooking dinner _____.
2. We visited Ha Long Bay _____.
3. My father will buy a new laptop _____.
4. He has worked in this company _____ 2015.
5. I always go to school _____.

Bài tập 5: Xác định thì của mỗi câu dưới đây và ghi vào chỗ trống

1. They **are watching** TV at the moment. → **Thì:** _____
2. I **have never seen** a ghost before. → **Thì:** _____
3. She **will travel** to Japan next month. → **Thì:** _____
4. We **went** to the cinema last night. → **Thì:** _____
5. He **studies** English every day. → **Thì:** _____

Bài tập 6: hãy vận dụng các kiến thức đã học làm các câu trắc nghiệm sau đây trong đề thi vào 10 tỉnh Lạng Sơn

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2025-2026

1. We _____ him since last summer.
A. don't meet B. didn't meet C. haven't met D. hadn't met

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2024-2025

1. My grandfather _____ this picture 30 years ago.
A. Painted B. will paint C. paints D. has painted

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2023-2024

1. He _____ football with me yesterday.
A. played B. will play C. plays D. has played

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2022-2023

1. I _____ this book from the school library last week.
A. will borrow B. borrowed C. have borrowed D. borrow

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2021-2022

1. He _____ football with his friends yesterday afternoon.
A. play B. played C. is playing D. has played

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2020-2021

1. Tom _____ in the post office for over three years.
A. works B. worked C. has worked D. would work

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2019-2020

1. They _____ Ho Chi Minh City last summer.
A. visit B. will visit C. have visited D. visited

Đề Thi vào 10 Tỉnh Lạng Sơn năm 2018-2019

1. Ann and Lan _____ each other for over three years.
A. know B. knew C. have known D. would know